TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀ TRUNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HS-ST
Ngày 20-01-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đào Văn Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Đoàn Thân và bà Nguyễn Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Ngọc Lan - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Hùng Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 66/2021/TLST-HS ngày 09 tháng 11 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2021/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 11 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Đức T; sinh năm: 1985; tại thôn C, phường L, thị xã B, tỉnh Thanh Hoá; nghề nghiệp: Lao động tự do; nơi cư trú: phố C, phường L, thị xã B, tỉnh Thanh Hoá; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quang T và bà Phạm Thị M; có vợ là Tống Thị Hồng V và 01 con; tiền sự: không;

Tiền án: có 04 tiền án:

- Tại bản án hình sự sơ thẩm số 248/2006/HSST ngày 19/12/2006 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đã xử phạt bị cáo 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Bị cáo chấp hành xong bản án năm 2008.

- Tại bản án hình sự sơ thẩm số 71/2009/HSST ngày 31/03/2009 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Ninh đã xử phạt bị cáo 08 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Bị cáo chấp hành xong bản án ngày 07/06/2015.

- Tại bản án hình sự sơ thẩm số 67/2016/HSST ngày 24/6/2016 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Nam Định đã xử phạt bị cáo 15 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Bị cáo chấp hành xong bản án ngày 26/04/2017.

- Tại bản án hình sự sơ thẩm số 44/2018/HS-ST ngày 27/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa đã xử phạt bị cáo 27 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Bị cáo chấp hành xong bản án ngày 03/7/2020.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 27/02/2021 đến ngày 08/3/2021 chuyển tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa đến nay. Có mặt.

2. Nguyễn Đức T1; sinh năm: 1988; tại: tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; nơi cư trú: phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh, tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức L và bà Mai Thị T; có vợ là Trần Thị Hồng Y và có 03 con; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân:

- Ngày 25/07/2015, bị Phòng PC47, Công an tỉnh Thanh Hóa xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Đã hết thời hiệu thi hành.

- Ngày 29/11/2011, bị Tòa án nhân dân quận T, thành phố Hà Nội, xử phạt 08 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong bản án ngày 26/4/2012.

- Ngày 06/9/2013, bị Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong bản án ngày 08/11/2014.

- Ngày 29/3/2016, bị Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Thanh Hóa, xử phạt 29 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong bản án ngày 23/02/2018.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 06/3/2021 đến ngày 09/3/2021 chuyển tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

- Bị hại:

1. Chị Lê Thị H, sinh năm 1998 và anh Lê Huy T, sinh năm 1994. Cùng địa chỉ: thôn DD, thị trấn B, huyện H, tỉnh Thanh Hoá. Vắng mặt.

2. Chị Chung Thị Kim D, sinh năm 1999. Địa chỉ: khu phố 4, phường P, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

3. Chị Nguyễn Thị Thùy D1, sinh năm 1998 và anh Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1996. Cùng địa chỉ: thôn Q, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt chị D1, vắng mặt anh T.

4. Anh Hoàng Đình C, sinh năm 2001. Địa chỉ: xóm 2, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.Vắng mặt.

5. Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 2004. Địa chỉ: thôn C, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

6. Chị Bùi Thị Kim A, sinh năm 2003. Địa chỉ: thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

7. Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1969. Cùng địa chỉ: thôn G, xã P, huyện P, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

8. Anh Ngô Xuân Q, sinh năm 1992. Địa chỉ: số nhà 538, đường 295B, thôn P, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: chị Phạm Thị K, sinh năm 1996; Địa chỉ: Cửa hàng Cầm đồ C, khu phố 6, phường L, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa.

Vắng mặt.

- Người làm chứng: anh Phan G, sinh năm 1992. Địa chỉ: khu phố 5, phường B, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 28/10/2020 đến ngày 24/02/2021, trong và ngoài huyện Hà Trung, Nguyễn Đức T đã thực hiện 06 vụ trộm cắp tài sản, trong đó cùng Nguyễn Đức T1 thực hiện 01 vụ, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: vào khoảng 23 giờ 30 phút, ngày 28/10/2020, Nguyễn Đức T thuê xe taxi từ khu vực ngã tư B (không xác định được hãng xe và tên tuổi người lái xe) đi về hướng thị trấn B, huyện H, tỉnh Thanh Hóa với mục đích tìm tài sản để trộm cắp. Khi đến khu vực thôn Đ, thị trấn B, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, Toàn xuống xe, đi bộ vào ngõ khu vực dân cư thôn Đ phát hiện tầng 2 của gia đình chị Lê Thị H không khóa cửa nên Toàn đột nhập vào để trộm cắp tài sản. Toàn trèo qua tường cổng chính, giáp nhà kho để hàng rồi đột nhập vào sân nhà chị H. Khi vào sân nhà, Toàn phát hiện cửa nhà tầng 1 đóng nên Toàn bám vào cột nhà từ tầng 1 rồi đột nhập lên tầng 2. Sau khi lên tầng 2, Toàn đi vào phòng ngủ của vợ chồng chị H tìm kiếm tài sản để trộm cắp. Tại đây, Toàn phát hiện và trộm cắp 02 điện di động gồm 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A71 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus. Sau đó, Toàn đi xuống khu vực tầng 1 thì phát hiện và lấy trên nóc tủ lạnh 01 chìa khóa xe môtô rồi tìm xe máy. Toàn đi ra phía sau nhà, phát hiện chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA Vision, màu xanh, biển kiểm soát 36B5-26147 đang dựng tại khu vực nhà kho. Thấy cửa nhà kho đóng, Toàn đi tìm chìa khóa để mở, Toàn đi đến bàn uống nước gần cổng kho thì thấy chìa khóa, Toàn dùng chìa khóa mở được cửa. Sau đó, Toàn điều khiển xe máy cùng số tài sản lấy trộm được của gia đình chị H rồi tẩu thoát. Sau khi trộm cắp được, Toàn đem bán hai chiếc điện thoại cho một người đàn ông lạ mặt tại khu vực Ngã tư sở thuộc quận T, thành phố Hà Nội với số tiền 4.0000.000 đồng và cầm cố chiếc xe máy tại cửa hàng cầm đồ Cường Định, khu phố 6, phường L, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa do chị Phạm Thị K làm chủ quán với số tiền 12.000.000 đồng cùng đăng ký xe máy mang tên Lê Thị H, còn giấy phép lái xe Toàn đem về nhà cất giấu. Số tiền sau khi bán được tài sản trộm cắp mà có, Toàn đã tiêu xài hết vào việc cá nhân.

Vật chứng của vụ án gồm: 01 xe máy nhãn hiệu HONDA, loại xe Vision cùng 01 đăng ký xe máy và 01 giấy phép lái xe; 01 điện thoại Samsung A71; 01 điện thoại Iphone 6s plus.

Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 28/3/2021 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện H kết luận: 01 (một) xe máy nhãn hiệu HONDA, loại xe Vision, màu xanh, biển kiểm soát 36B5-26147, đã qua sử dụng, có giá trị 19.000.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 03/10/2021 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện H kết luận: 01 điện thoại Samsung A71 có giá trị 7.500.000 đồng; 01 điện thoại Iphone 6s plus có giá trị 1.450.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản mà Toàn trộm cắp vào ngày 29/10/2020 tại gia đình chị H là 27.950.000 đồng.

Vụ thứ hai: vào khoảng 01 giờ ngày 22/12/2020, sau khi ăn đêm ở khu vực chợ B thuộc phường N, thị xã B, Nguyễn Đức T đi bộ về phía khu vực dân cư thuộc phường P, thị xã B tìm sơ hở để trộm cắp tài sản. Khi đi đến khu vực trường Mầm non P, khu 4, phường P, Toàn phát hiện tầng 2 của gia đình chị Chung Thị Kim D sáng đèn, cửa mặt trước đang mở nên Toàn đột nhập vào nhà chị D để trộm cắp tài sản. Toàn trèo cây trước cổng nhà chị D rồi vào khu vực tầng 2, đi vào phòng ngủ của vợ chồng chị D, phát hiện và trộm cắp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s, màu hồng tại giường ngủ; 01 máy tính xách tay, màu đen, nhãn hiệu Lenovo tại bàn làm việc. T tiếp tục lục soát túi quần treo ở cửa ra vào thì thấy 01 ví da, bên trong có 400.000 đồng tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam cùng 01 căn cước công dân mang tên Lê Văn H (là chồng chị D), T lấy toàn bộ số tiền cùng căn cước công dân của anh H. Tài sản sau khi trộm cắp được, T đem bán chiếc điện thoại cùng chiếc laptop cho một người đàn ông lạ mặt tại khu vực trường Đại học H cũ (nay là trường chuyên L) thuộc phường Đ, TP Thanh Hóa với số tiền 1.700.000 đồng, còn căn cước công dân của anh H, Toàn đem về nhà cất giấu. Số tiền có được do trộm cắp, Toàn đã tiêu xài hết vào việc cá nhân.

Vật chứng thu giữ được: 01 căn cước công dân mang tên Lê Văn H (chồng chị D).

Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 03/10/2021 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện H kết luận: 01 máy tính xách tay Lenovo có giá trị 4.950.000 đồng; chiếc điện thoại Iphone 6s có giá trị 1.450.000 đồng; 01 Ví da có giá trị 40.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản mà Toàn trộm cắp vào ngày 22/12/2020 tại gia đình chị D là 6.840.000 đồng.

Vụ thứ ba: vào khoảng 02 giờ ngày 09/02/2021, Nguyễn Đức T thuê xe taxi đi từ khu vực ngã tư B đến khu vực thôn Q, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa với mục đích tìm sơ hở để trộm cắp tài sản. Khi đến khu vực thôn Q, Toàn đi bộ dọc theo tuyến đường tỉnh lộ 522B, phát hiện tầng 2 của gia đình chị Nguyễn Thị Thùy D1 không khóa cửa nên Toàn đột nhập vào để trộm cắp tài sản. Toàn trèo qua tường cổng chính, sau đó bám bờ tường bên hông nhà chị D1 lên tầng 2. Tại phòng ngủ của vợ chồng chị D1, Toàn phát hiện và trộm cắp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 màu đen, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu vàng, 02 thẻ ngân hàng, 01 ví da màu xanh bên trong có 1.000.000 đồng tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam cùng 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Thị Thùy D1, 01 lắc bạc (loại lắc tay trẻ em). T lấy toàn bộ số tài sản trên rồi tẩu thoát. Khi đi qua khu vực mương nước thuộc thôn Q, xã H, T vứt bỏ 01 chiếc ví da, 01 lắc bạc cùng 01 chứng minh thư nhân dân. T đã thử sử dụng mật khẩu là ngày tháng năm

sinh của chị D1 là "121298" để mở khóa mật khẩu điện thoại Iphone 7 và đăng nhập phần mềm "Sacombank Play" để kiểm tra thì phát hiện trong tài khoản có 19 triệu đồng. Toàn chuyển số tiền này nạp vào tài khoản game để chơi rồi cất 02 thẻ ngân hàng vào ví da. Đối với số tiền 1.000.000 đồng, Toàn đã tiêu xài cá nhân hết. Chiếc điện thoại Iphone 7, Toàn đã bán được với số tiền 1.700.000 đồng (cho một người đàn ông không quen biết ở khu vực phố T, thuộc quận H, thành phố Hà Nội) rồi tiêu xài cá nhân hết. Chiếc điện thoại Samsung, Toàn để sử dụng cho đến khi bị bắt giữ.

Vật chứng thu giữ được: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung J7 màu đen.

Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 28/02/2021 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện Hà Trung kết luận: 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Samsung J7 màu đen có giá trị 2.000.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 03/10/2021 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện H kết luận: chiếc điện thoại Iphone 7 trị giá 1.500.0000 đồng, 01 Ví da màu xanh trị giá 40.000 đồng, 01 lắc bạc trị giá 250.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản mà Toàn trộm cắp vào ngày 09/02/2021 tại gia đình chị D1 là 23.790.000 đồng.

Vụ thứ tư: vào khoảng 02 giờ 30 phút ngày 18/02/2021, Nguyễn Đức T gọi xe taxi đi từ nhà đến khu vực cầu vượt thuộc phường B, thị xã B. Sau đó, Nguyễn Đức T đi bộ một mình đến đường L tìm sơ hở để trộm cắp tài sản. Toàn phát hiện ngôi trọ mà anh Hoàng Đình C, chị Nguyễn Thị Y và chị Bùi Thị Kim A thuê để ở, cửa cổng nhà khóa nhưng cửa bên trong nhà khép hờ, có ánh điện nên T trèo qua tường đột nhập vào để trộm cắp tài sản. Sau khi đột nhập vào trong, T đi vào phòng khách thì phát hiện anh C đang ngủ, T tìm kiếm tài sản để trộm cắp và phát hiện 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Realme 3, màu xanh tím cùng chiếc ví da đang để ở đầu đệm ngủ. T lấy trộm chiếc điện thoại của anh C và lục ví lấy số tiền 1.200.000đ (một triệu hai trăm nghìn đồng) cùng 01 thẻ ngân hàng Sacombanhk, 01 giấy phép lái xe, 01 căn cước công dân đều mang tên Hoàng Đình C. Sau đó, T đi vào phòng bên trong, thấy chị Y và chị Kim A đang ngủ, T tìm kiếm và lấy trộm 01 điện thoại nhãn hiệu Oppo A3s, màu đen của chị Y; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6s plus, màu hồng của chị Kim A. Ngoài ra, T còn lấy số tiền 250.000 đồng sau ốp điện thoại của chị Kim A. Sau đó, T trèo qua tường rồi tẩu thoát. Sau khi trộm cắp được, T đem bán chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6s plus cho một người đàn ông lạ mặt tại khu vực phố T thuộc quận Đ, Hà Nội với số tiền 1.400.000 đồng, còn 01 điện thoại nhãn hiệu Reale, màu tím và 01 điện thoại nhãn hiệu Oppo A3s, T đem theo người và đã bị thu giữ khi bị bắt. Đối với 01 căn cước công dân; 01 giấy phép láu xe mang tên Hoàng Đình C, T đem về nhà cất giấu; 01 thẻ ngân hàng thì T đem vứt tại khu vực đường L thuộc phường B, thị xã B. Toàn bộ số tiền có được do trộm cắp mà có, Toàn đã tiêu xài hết vào việc cá nhân.

Vật chứng thu giữ được: 01 điện thoại Realme màu tím, 01 căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe của anh Hoàng Đình C; 01 điện thoại nhãn hiệu Oppo A3s của chị Nguyễn Thị Y.

Tại các Bản kết luận định giá tài sản ngày 12/3/2021 và ngày 03/10/2021 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự kết luận: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Realme 3 màu tím xanh có giá trị 1.350.000 đồng; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Oppo A3s màu tím đen có giá trị 1.450.000 đồng; 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Iphone 6s plus màu hồng có giá trị 1.600.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản mà Toàn trộm cắp vào ngày 18/02/2021 của anh Hoàng Đình C, chị Nguyễn Thị Y và chị Bùi Thị Kim A là 5.850.000 đồng.

Vụ thứ năm: vào khoảng 23 giờ ngày 23/02/2021, Nguyễn Đức T đứng đón xe khách tại khu vực ngã tư B đi Hà Nội. Sau khi đi đến khu vực huyện P, thành phố Hà Nội, T xuống xe rồi đi vào khu dân cư thôn G, xã P, huyện P tìm sơ hở để trộm cắp tài sản. T phát hiện tầng 2 của gia đình ông Nguyễn Văn Q đang mở cửa nên đột nhập vào để trộm cắp tài sản. T bám bờ tường của nhà bên cạnh rồi đột nhập vào khu vực tầng 2, đi vào phòng ngủ của vợ chồng ông Q để tìm kiếm tài sản. T phát hiện và trộm cắp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s và 01 điện thoại nhãn hiệu Oppo (mua năm 2019), sau đó Toàn tiếp tục đi xuống phòng ngủ tầng 1 và trộm cắp 01 điện thoại nhãn hiệu Oppo (mua năm 2017), rồi Toàn lấy chìa khóa mở cửa cổng rồi tẩu thoát. Sau khi trộm cắp được tài sản, Toàn đem bán chiếc điện thoại Oppo (máy năm 2019) cho một người đàn ông lạ mặt tại khu vực trường Đại học H cũ (nay là trường chuyên L) thuộc phường Đ, thành phố T với số tiền 1.100.000 đồng. Đối với chiếc điện thoại Iphone 6s và chiếc điện thoại Oppo (máy năm 2017) T chưa kịp tiêu thụ thì bị bắt và thu giữ. Số tiền sau khi bán điện thoại, Toàn đã tiêu xài hết vào việc cá nhân.

Vật chứng thu giữ được: 01 chiếc điện thoại Iphone 6s và chiếc điện thoại Oppo (mua năm 2017).

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 03/10/2021 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự kết luận: chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6s có giá trị 1.450.000 đồng; chiếc điện thoại Oppo (mua năm 2019) có giá trị 1.100.000 đồng, chiếc điện thoại Oppo (mua năm 2017) có giá trị 800.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản mà Toàn trộm cắp ngày 24/02/2021 tại nhà ông Nguyễn Văn Q là 3.350.000 đồng.

Vụ thứ sáu: ngày 24/02/2021, Nguyễn Đức T gọi điện thoại cho Nguyễn Đức T1 rủ đi trộm cắp tài sản thì Thanh đồng ý. Khoảng 12 giờ cùng ngày, T đến đón T1 rồi đi đến nhà anh Phan G ở Phường B, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa thuê 01 chiếc xe ô tô mang biển kiểm soát 36A-057.41, nhãn hiệu Fotuner trong thời gian là 02 ngày, với giá là 1.000.000 đồng/ngày. Khoảng 15 giờ cùng ngày, T điều khiển xe ô tô chở T1 đi hướng Thanh Hóa - Hà Nội, trên đường đi cả hai bàn và thống nhất với nhau về việc sẽ điều khiển xe đến thành phố B và thành phố B1 tìm sơ hở để trộm cắp tài sản. Đến khoảng 0 giờ ngày 25/02/2021, khi đi đến thôn P, xã T, thành phố B, phát hiện nhà anh Ngô Xuân Q không đóng cửa tầng 2, nên T và T1 nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. T đổi lái cho T1 rồi bảo Thanh điều khiển đỗ xe cách khoảng 50m để đợi Toàn và quan sát, tránh bị phát hiện. Toàn trèo tường, qua mái tôn rồi đột nhập vào tầng 2 của nhà anh Q. Tại đây, T phát hiện và trộm cắp 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone X màu đen; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 màu

trắng; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6s Plus màu vàng; 01 tượng gỗ phật hình Phật di lặc cùng số tiền 44.000.000 đồng. Sau đó, T cầm chìa khóa cửa của gia đình anh Quỳnh, mở cửa cổng bê tượng ra ngoài. Lúc này, Thanh lùi xe đón Toàn rồi cả hai cùng đi về thành phố T, T nhờ người xe ôm bán pho tượng nói trên với số tiền 12.000.000 đồng, sau đó điều khiển xe về trả cho anh G.

Vật chứng thu giữ được: 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone X màu đen; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 màu trắng; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6s Plus màu vàng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 27/KL-HĐĐG ngày 03/03/2021 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố B kết luận: chiếc điện thoại di động Iphone X, đã qua sử dụng, trị giá 7.400.000 đồng; 01 tượng gỗ hình Phật Di Lặc, loại gỗ hương, màu nâu đã qua sử dụng trị giá 7.700.000 đồng.

Tại kết luận số 39 ngày 24/03/2021 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố B kết luận: 01 chiếc điện thoại Iphone 6 màu trắng nêu trên trị giá 1.000.000 đồng; 01 chiếc điện thoại Iphone 6s Plus, màu vàng trị giá 3.000.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản mà Nguyễn Đức T và Nguyễn Đức T1 trộm cắp tại nhà anh Quỳnh vào ngày 25/02/2021 là 63.100.000 đồng.

Cáo trạng số 73/CT-VKSHT ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố bị cáo Nguyễn Đức T về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c, g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự và Nguyễn Đức T1 về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi như cáo trạng đã truy tố, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự: tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đức T và Nguyễn Đức T1 phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Áp dụng điểm c, g khoản 2 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T từ 05 năm tù đến 05 năm 06 tháng tù. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, Điều 17, Điều 38, Điều 58, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T1 từ 30 tháng tù đến 36 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về trách nhiệm bồi thường dân sự: buộc các bị cáo phải bồi thường cho các bị hại theo quy định của pháp luật.

- Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 6; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: buộc bị cáo Nguyễn Đức T và Nguyễn Đức T1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Quá trình điều tra, truy tố, các bị cáo không có khiếu nại về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng. Các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng với trình tự, thủ tục, thẩm quyền và hợp pháp theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2]. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của các bị cáo ở giai đoạn điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng; phù hợp với vật chứng thu giữ được và bản kết luận định giá tài sản, đủ cơ sở khẳng định: với mục đích trộm cắp tài sản để lấy tiền tiêu xài cá nhân, trong khoảng thời gian từ ngày 28/10/2020 đến ngày 24/02/2021, trong và ngoài địa bàn huyện Hà Trung, lợi dụng trời tối, sơ hở trong việc trông coi, quản lý tài sản của các cá nhân, Nguyễn Đức T đã thực hiện 06 lần trộm cắp tài sản, trong đó cùng Nguyễn Đức T1 thực hiện 01 lần trộm cắp tài sản, cụ thể:

Lần thứ nhất, vào ngày 28/10/2020, tại thôn Đ, thị trấn B, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, Nguyễn Đức T trộm cắp của gia đình chị Lê Thị H 01 điện thoại Samsung A71; 01 điện thoại Iphone 6 Plus; 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA Vision, biển kiểm soát 36B5- 261.47. Tổng giá trị tài sản Toàn đã trộm cắp của gia đình chị H là 27.950.000đ (hai mươi bảy triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng).

Lần thứ hai, vào ngày 22/12/2020, tại khu 4, phường P, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa, Nguyễn Đức T trộm cắp của gia đình chị Chung Thị Kim D: 01 điện thoại Iphone 6s; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Lenovo; số tiền 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng). Tổng giá trị tài sản mà Toàn đã trộm cắp của gia đình chị D là 6.800.000đ (sáu triệu tám trăm nghìn đồng).

Lần thứ ba, vào ngày 09/02/2021, tại thôn Q, xã H, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, Nguyễn Đức T trộm cắp của gia đình chị Nguyễn Thị Thùy D1 01 điện thoại Iphone 7, 01 điện thoại Samsung J7 màu đen, 01 chiếc ví màu xanh, 01 chiếc lắc tay bằng bạc; số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng) và rút tiền tài khoản ATM của chị D1 19.000.000đồng. Tổng giá trị tài sản mà Toàn đã trộm cắp của gia đình chị D1 là 23.790.000đ (hai mươi ba triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng).

Lần thứ tư, vào ngày 18/02/2021, tại đường Lê Lai, phường B, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa, Nguyễn Đức T trộm cắp của anh Hoàng Đình C 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme 3 và số tiền 1.200.000đ (một triệu hai trăm nghìn đồng); trộm cắp của chị Nguyễn Thị Y 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3s; trộm cắp của chị Bùi Thị Kim A 01 điện thoại Iphone 6s plus và số tiền 250.000đ (hai trăm năm mươi nghìn đồng). Tổng giá trị tài sản mà Toàn đã trộm cắp của anh C, chị Y và chị Kim A là 5.850.000đ (năm triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).

Lần thứ năm, vào ngày 23/02/2021, tại thôn G, xã P, huyện P, thành phố Hà Nội, Nguyễn Đức T trộm cắp của gia đình ông Nguyễn Văn Q 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s và 02 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO. Tổng giá trị tài sản mà Toàn đã trộm cắp của gia đình ông Nguyễn Văn Q là 3.350.000đ (ba triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

Lần thứ sáu, vào ngày 24/02/2021, tại số nhà 538, đường 295B, thôn P, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, Nguyễn Đức T cùng Nguyễn Đức T1 trộm cắp của anh Ngô Xuân Q 03 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, Iphone 6, Iphone 6s plus, 01 tượng gỗ phật Di Loặc và số tiền 44.000.000đ (bốn mươi bốn triệu đồng). Tổng giá trị tài sản mà Toàn và Thanh trộm cắp của anh Quỳnh là 63.100.000đ (sáu mươi ba triệu một trăm nghìn đồng).

Tổng giá trị tài sản 06 lần trộm cắp của Nguyễn Đức T phải chịu trách nhiệm hình sự là 130.840.000đ (một trăm ba mươi triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng); tổng giá trị tài sản trộm cắp của Nguyễn Đức T1 phải chịu trách nhiệm hình sự là 63.100.000đ (sáu mươi ba triệu một trăm nghìn đồng). Mặt khác, Nguyễn Đức T là đối tượng đã có bốn tiền án, tại bản án số 248/2006/HSST ngày 19/12/2006 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã xử phạt bị cáo 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", đã chấp hành xong bản án năm 2008, chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội; tại bản án số 71/2009/HSST ngày 31/03/2009 của Tòa án nhân dân thành phố B1, tỉnh Bắc Ninh đã xử phạt bị cáo 08 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản", đã chấp hành xong bản án ngày 07/06/2015, trong bản án này đã áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là "Tái phạm", nhưng chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội; tại bản án số 67/2016/HSST ngày 24/6/2016 của Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định đã xử phạt bị cáo 15 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", nhưng không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "Tái phạm nguy hiểm" mà áp dụng tình tiết "Phạm tội nhiều lần", bị cáo đã chấp hành xong bản án ngày 26/04/2017, chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội; tại bản án hình sự sơ thẩm số 44/2018/HS-ST ngày 27/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa đã xử phạt bị cáo 27 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", đã chấp hành xong bản án ngày 03/7/2020. Cả bốn bản án đều chưa được xóa án tích, nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc tình tiết định khung hình phạt là "Tái phạm nguy hiểm" quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung truy tố bị cáo Nguyễn Đức T về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự và truy tố bị cáo Nguyễn Đức T1 về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an trên địa bàn trong và ngoài huyện, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân. Mặt khác, Nguyễn Đức T đã từng bốn lần bị kết án về hành vi chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội; Nguyễn Đức T1 là đối tượng có nhân thân xấu, đã từng ba lần bị kết án về hành vi "Trộm cắp tài sản" và một lần bị xử phạt vi phạm hành chính về

hành vi "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Vì vậy, phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc và cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo đồng thời để răn đe, phòng ngừa chung.

Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, trong đó Nguyễn Đức T 05 lần độc lập thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và còn là người khởi xướng, giữ vai trò chính khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại số nhà 538, đường 295B, thôn P, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang cùng với Nguyễn Đức T1, nên bị cáo Toàn phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn bị cáo Thanh.

Nguyễn Đức T đã thực hiện 06 lần hành vi trộm cắp tài sản, nên phải chịu tình tiết tăng nặng tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự; Nguyễn Đức T1 không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Sau khi phạm tội, các bị cáo đều thành khẩn khai báo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Nguyễn Đức T có bố đẻ là "Thương binh", được Hội đồng cố vấn Chính phủ lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam tặng "Huân chương chiến công giải phóng hạng ba" thuộc trường hợp người có công với cách mạng, nên được coi là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, cần căn cứ vào các tình tiết này để giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

Đối với chị Phạm Thị K, khi Nguyễn Đức T cầm cố chiếc xe môtô nhãn hiệu HONDA Vision, biển kiểm soát 36B5-26147, chị K không biết đây là tài sản Toàn trộm cắp mà có, nên không có căn cứ xử lý hình sự. Tuy nhiên, hành vi cho Toàn cầm cố tài sản không đúng quy định, nên Công an huyện H đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với chị K là phù hợp.

[4]. Về hình phạt bổ sung: các bị cáo đều là lao động tự do, không có thu nhập ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: quá trình điều tra, chị Phạm Thị K yêu cầu bị cáo Nguyễn Đức T phải trả lại số tiền 12.000.000đ (mười hai triệu đồng); chị Lê Thị H yêu cầu Nguyễn Đức T bồi thường số tiền 8.950.000đ (tám triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng); chị Chung Thị Kim D yêu cầu Nguyễn Đức T bồi thường số tiền 6.800.000đ (sáu triệu tám trăm nghìn đồng); chị Nguyễn Thị Thùy D1 yêu cầu T bồi thường số tiền 21.790.000đ (hai mươi mốt triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng); chị Bùi Thị Kim A yêu cầu T bồi thường số tiền 1.850.000đ (một triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng); anh Hoàng Đình C yêu cầu T bồi thường số tiền 1.200.000đ (một triệu hai trăm nghìn đồng); ông Nguyễn Văn Q yêu cầu T bồi thường số tiền 1.450.000đ (một triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng); anh Ngô Xuân Q yêu cầu Nguyễn Đức T và Nguyễn Đức T1 bồi thường số tiền 51.700.000đ (năm mươi mốt triệu bảy trăm nghìn đồng).

Sau khi trộm cắp được chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA Vision, biển kiểm soát 36B5-26147 của gia đình chị Lê Thị H, T đã bán chiếc xe này cho chị Phạm Thị K với số tiền 12.000.000đ (mười hai triệu đồng). Do đây là giao dịch dân sự bất hợp pháp, chị K đã giao nộp chiếc xe này cho cơ quan điều tra để trả lại cho chủ sơ

hữu hợp pháp và yêu cầu T phải trả lại số tiền 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) là có căn cứ. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự và Điều 579, Điều 580 của Bộ luật dân sự, buộc Nguyễn Đức T phải trả lại cho chị Phạm Thị K số tiền 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) là phù hợp.

Các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của các cá nhân và gây thiệt hại, nên phải có trách nhiệm bồi thường. Vì vậy, cần căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; các điều 584, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật dân sự, buộc bị cáo Nguyễn Đức T phải bồi thường cho: chị Lê Thị H số tiền 8.950.000đ (tám triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng), chị Chung Thị Kim D số tiền 6.800.000đ (sáu triệu tám trăm nghìn đồng), chị Nguyễn Thị Thùy D1 số tiền 21.790.000đ (hai mươi mốt triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng), chị Bùi Thị Kim A số tiền 1.850.000đ (một triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng), anh Hoàng Đình C số tiền 1.200.000đ (một triệu hai trăm nghìn đồng), ông Nguyễn Văn Q số tiền 1.100.000đ (một triệu một trăm nghìn đồng). Buộc Nguyễn Đức T và Nguyễn Đức T1 phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho anh Ngô Xuân Q số tiền 51.700.000đ (năm mươi mốt triệu bảy trăm nghìn đồng);

[8]. Về xử lý vật chứng:

Đối với 02 (hai) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A71 và Iphone 6s plus của gia đình chị Lê Thị H; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s cùng 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Lenovo của gia đình chị Chung Thị Kim D; chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 7 của gia đình chị Nguyễn Thị Thùy D1; chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6s plus của chị Bùi Thị Kim A; chiếc điện thoại nhãn hiệu Oppo, mua năm 2019 của gia đình ông Nguyễn Văn Q; tượng gỗ hình Phật Di Lặc của anh Ngô Xuân Q. Nguyễn Đức T đã bán cho những người đàn ông không quen biết, cơ quan điều tra không thu giữ được nên không có căn cứ xử lý.

Đối với chiếc ví da, lắc bạc, giấy chứng minh nhân dân cùng 02 thẻ ngân hàng của gia đình chị Nguyễn Thị Thùy D1; thẻ ngân hàng Sacombank của anh Hoàng Đình C. Nguyễn Đức T đã vứt bỏ gần nơi trộm cắp tài sản, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hà Trung tiến hành truy tìm nhưng không phát hiện và thu giữ được, nên không có căn cứ xử lý.

Đối với chiếc xe máy cùng 01 (một) đăng ký xe máy, 01 (một) giấy phép lái xe của gia đình chị Lê Thị H; 01 (một) căn cước công dân mang tên Lê Văn H của chồng chị Chung Thị Kim D; 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung J7 màu đen của chị Nguyễn Thị Thùy D1; 01 (một) điện thoại Realme, màu tím, 01 (một) căn cước công dân, 01 (một) giấy phép lái xe của anh Hoàng Đình C; 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Oppo A3s của chị Nguyễn Thị Y; 01 (một) chiếc điện thoại Iphone 6s và 01 (một) chiếc điện thoại Oppo, mua năm 2017 của gia đình ông Nguyễn Văn Q; 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Iphone X màu đen, 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 màu trắng, 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Iphone 6s plus màu vàng của anh Ngô Xuân Q. Quá trình điều tra đã thu giữ và trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp.

[9]. Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c, g khoản 2 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Đức T.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173, Điều 17, Điều 38, Điều 58, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Đức T1.

1. Về tội danh: các bị cáo Nguyễn Đức T và Nguyễn Đức T1 phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 05 (năm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ là ngày 27/02/2021.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T1 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ là ngày 06/03/2021.

3. Về trách nhiệm dân sự: căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự và các điều 579, 580, 584, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Đức T phải trả lại số tiền 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) cho chị Phạm Thị K và phải bồi thường cho: chị Lê Thị H số tiền 8.950.000đ (tám triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng); chị Chung Thị Kim D số tiền 6.800.000đ (sáu triệu tám trăm nghìn đồng); chị Nguyễn Thị Thùy D1 số tiền 21.790.000đ (hai mươi mốt triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng); chị Bùi Thị Kim A số tiền 1.850.000đ (một triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng); anh Hoàng Đình C số tiền 1.200.000đ (một triệu hai trăm nghìn đồng) và ông Nguyễn Văn Q số tiền 1.100.000đ (một triệu một trăm nghìn đồng).

Buộc bị cáo Nguyễn Đức T và Nguyễn Đức T1 phải liên đới bồi thường cho anh Ngô Xuân Q số tiền 51.700.000đ (năm mươi mốt triệu bảy trăm nghìn đồng), phần của mỗi bị cáo là 25.850.000đ (hai mươi lăm triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chưa thi hành án, các bị cáo còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền và thời gian chưa thi hành án. Khoản tiền lãi chậm thi hành án được tính bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 6; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Nguyễn Đức T và Nguyễn Đức T1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Nguyễn Đức T phải chịu 2.684.500đ (hai triệu sáu trăm tám mươi bốn nghìn năm trăm đồng) và Nguyễn Đức T1 phải chịu 1.292.500đ (một triệu hai trăm chín mươi hai nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: các bị cáo và bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án phần liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo; Bị hại.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Hà Trung;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Hà Trung;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đào Văn Nam